

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ KINH TẾ Ở VIỆT NAM - VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP

ĐỖ THỊ KIM TIÊN*

Phát triển bền vững là khái niệm không chỉ bao gồm phát triển kinh tế mà trong các quan niệm về phát triển bền vững, phát triển kinh tế là nội dung được nhắc đến như một yếu tố gây ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến quá trình phát triển. Phát triển kinh tế tác động đến xã hội trên mọi chiều cạnh, cả tích cực lẫn tiêu cực. Tuy nhiên, các quan niệm về phát triển bền vững luôn hàm ý nhấn mạnh đến những cảnh báo về tác động tiêu cực của tăng trưởng, làm cơ sở cho những yêu cầu thay đổi theo hướng phức tạp toàn diện hơn, tốt hơn các nhu cầu của con người.

Từ khóa: Phát triển bền vững; phát triển kinh tế bền vững; tăng trưởng; phát triển.

Sustainable development does not implies only economic development. In definitions of sustainable development, economic development is referred as the most powerful factor affecting the development process. Economic development exerts influence on society in all dimensions, both positively and negatively. However, the concepts of sustainable development always imply warnings about the negative effects of growth which provides a basis for the requirements to change towards a more comprehensive, better response to human needs.

Key words: Sustainable development; sustainable economic development; growth; development.

NGÀY NHẬN: 08/01/2020

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 27/01/2020

NGÀY DUYỆT: 17/02/2020

1. Phát triển kinh tế bền vững

Phát triển kinh tế bền vững (PTKTBV) được hiểu là sự tăng tiến nhanh, an toàn và có chất lượng về mọi mặt của nền kinh tế (như quy mô sản lượng, sự tiến bộ về cơ cấu kinh tế,...). Quá trình phát triển này đòi hỏi các chủ thể trong hệ thống kinh tế có cơ hội tiếp cận các nguồn lực và chia sẻ nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách bình đẳng. Các chính sách không chỉ tập trung mang lại lợi ích cho một số ít mà phải tạo ra sự thịnh

vượng cho tất cả mọi người; đồng thời, bảo đảm trong một giới hạn cho phép của hệ sinh thái, không xâm phạm những quyền cơ bản của con người.

Yêu cầu đặt ra đối với một nền kinh tế bền vững là: (1) Nền kinh tế có tăng trưởng GDP và GDP đầu người đạt mức cao. Nước phát triển có thu nhập cao vẫn phải giữ nhịp độ tăng trưởng, nước càng nghèo có thu

* TS, Học viện Hành chính Quốc gia

nhập thấp càng phải tăng trưởng mức độ cao. Các nước đang phát triển trong điều kiện hiện nay cần tăng trưởng GDP vào khoảng 5%/năm thì mới có thể được xem có biểu hiện phát triển bền vững về kinh tế; (2) Cơ cấu GDP cũng là tiêu chí đánh giá phát triển bền vững về kinh tế và chỉ khi tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP cao hơn nông nghiệp thì tăng trưởng mới có thể đạt được bền vững; (3) Tăng trưởng kinh tế phải là tăng trưởng có hiệu quả cao, không chấp nhận tăng trưởng bằng mọi giá.

Chỉ tiêu để đánh giá tăng trưởng bền vững về kinh tế gồm:

- Mức độ đạt được hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cao và ổn định;

- Năng suất lao động xã hội cao, dựa trên nguồn lực lao động có thể lực và năng lực làm việc tốt;

- Mức giảm tiêu hao năng lượng để sản xuất ra một đơn vị GDP thấp;

- Chỉ số giá tiêu dùng trong tiêu chuẩn cho phép luôn ổn định;

- Cán cân vãng lai thặng dư ổn định.

Tại Việt Nam, định hướng mục tiêu PTKTBV giai đoạn 2016 - 2020 là:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2020 GDP bình quân đầu người đạt khoảng 3.200 - 3.500 USD.

- Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP trên 85%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm bằng khoảng 32 - 34% GDP.

- Bội chi ngân sách nhà nước không quá 4% GDP.

- Yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng khoảng 25 - 30%.

- Năng suất lao động xã hội bình quân tăng 4 - 5%/năm.

- Tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân giảm từ 1 - 1,5%/năm. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt từ 38 - 40%.

2. Thực trạng phát triển kinh tế của Việt Nam

Đánh giá theo các tiêu chí và định hướng mục tiêu PTKTBV giai đoạn 2016 - 2020 tại Việt Nam, có nhiều chỉ số cho thấy, Việt Nam cơ bản đã đạt được nhu về tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cũng như kiểm soát ngày càng tốt hơn về nợ công...

Trong Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) giữa kỳ năm 2019, Chính phủ Việt Nam cũng nhận định, tình hình quốc tế và khu vực có nhiều diễn biến không thuận lợi, nhưng kinh tế Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực, là một trong những điểm sáng về tăng trưởng trong khu vực và thế giới. Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập cao nhất trong 5 năm qua, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện và nhiều chỉ số của Việt Nam tăng mạnh, như chỉ số đổi mới sáng tạo.

Việt Nam tiếp tục khẳng định "phát triển nhanh và bền vững là chủ trương, quan điểm nhất quán và xuyên suốt trong chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam". Bên cạnh ưu tiên phát triển nhanh nhằm tránh tụt hậu, giảm khoảng cách thu nhập giữa Việt Nam và các nước đang phát triển trong khu vực là phải phát triển bền vững.

Xét về chỉ tiêu giám sát, đánh giá PTKTBV, cùng với việc đạt được những thành tựu về tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế tích cực, song vẫn tồn tại những bất cập cho quá trình phát triển kinh tế, nhất là tạo ra những quan ngại cho PTKTBV do chịu tác động bởi nhiều yếu tố mà điển hình như năng suất, năng lực cạnh tranh, năng lực sáng tạo và các chính sách, quy định về đầu tư, kinh doanh.

Dưới đây là một số đánh giá về những bất cập trong phát triển kinh tế ở Việt Nam và vấn đề đặt ra cho PTKTBV.

- *Về chất lượng tăng trưởng*: chưa có sự thống nhất giữa quy mô phát triển với chất lượng tăng trưởng. Mặc dù tăng trưởng cao

nhưng nền kinh tế còn dựa nhiều vào vốn đầu tư nước ngoài và thiếu tính bền vững. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) thực chất chưa tính đúng, tính đủ những chi phí đi kèm trong quá trình sản xuất - kinh doanh và tăng trưởng. Nền kinh tế xanh (GDP xanh) chưa được sử dụng trong đo lường phát triển. Nhiều doanh nghiệp đóng thuế thu nhập trong nhiều năm không đủ bù đắp để xử lý vấn đề môi trường họ gây ra trong 1 năm. Mỗi năm, Việt Nam thiệt hại do ô nhiễm môi trường tương đương với 5% GDP, trong khi con số này của Trung Quốc là 10%. Tuy nhiên, nếu ô nhiễm môi trường theo đà tăng tiến như hiện nay, Việt Nam có thể vượt qua Trung Quốc về ô nhiễm¹. Bên cạnh đó, còn nhiều dự án đầu tư triển khai cầm chừng trong nhiều năm chưa đi vào hoạt động.

Ngoài ra, trong toàn nền kinh tế, còn có nhiều dự án lớn khác đã và đang góp phần làm tăng GDP mà không thúc đẩy quá trình phát triển. Về nguyên lý, cứ có hoạt động chi tiêu cho đầu tư, dù dự án hoàn thành hay chưa đều tính vào GDP hàng năm, do đó đã làm cho quy mô GDP liên tục tăng cao, năm sau cao hơn năm trước. Điều này tạo ra khoảng cách giữa con số tăng trưởng với sự phát triển thực tế ngày càng lớn.

- *Vấn đề quản lý nợ công*: đây là vấn đề phổ biến ở các quốc gia do chỉ tiêu chính phủ vượt quá nguồn thu từ thuế. Trong chỉ tiêu đánh giá PTKTBV, chỉ số nợ công là yếu tố quan trọng. Theo đó, nợ công cần được chính phủ kiểm soát, bảo đảm ngưỡng an toàn để ổn định, phát triển kinh tế.

Các chỉ số đánh giá mức độ an toàn nợ công bao gồm:

+ Chỉ số nợ nước ngoài/GDP mặc dù vẫn nằm trong giới hạn an toàn (với mức tin cậy là 95%) thì khi nợ nước ngoài tăng thêm đồng nghĩa mức tăng trưởng GDP sẽ bị sụt giảm. Vấn đề cần phải chú ý là ngưỡng nợ công so với GDP nhằm đánh giá đúng sức chịu đựng của một nền kinh tế. Khi Nhà

nước vay nợ để đầu tư phát triển, có nghĩa là, khu vực đầu tư nước ngoài sẽ có đóng góp vào quy mô GDP hàng năm và do đó, nên thận trọng trong việc đưa ra ngưỡng an toàn và phải có sự kết hợp chặt chẽ với kiểm soát chỉ tiêu nợ Chính phủ/GDP.

+ Chỉ số nợ Chính phủ/GDP trong các hạng mục đầu tư công, đầu tư từ ngân sách nhà nước luôn chiếm tỷ trọng cao, dẫn đến nợ Chính phủ/GDP luôn khá cao (bắt đầu từ năm 2015, tỷ lệ nợ Chính phủ/GDP luôn trên 50% GDP). Và mặc dù được đánh giá là thấp hơn “ngưỡng” nợ Chính phủ/GDP quy định nhưng vẫn phản ánh quy mô nợ Chính phủ quá lớn và tốc độ tăng nhanh.

+ Nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ/thu ngân sách: tại Việt Nam, các áp lực trả nợ gia tăng nhanh từ sau năm 2012. Đối chiếu với quy định thì ngưỡng an toàn của chỉ tiêu này không được tuân thủ từ sau năm 2013 (luôn vượt ngưỡng 25%). Và khi một quốc gia bị thâm hụt ngân sách sẽ trở thành nước nhập khẩu ròng hàng hóa, dịch vụ và xuất khẩu ròng tài sản, kết quả là lượng tài sản trong nước được người nước ngoài nắm giữ sẽ ngày càng nhiều hơn². Thâm hụt ngân sách sẽ tác động đến khu vực tư nhân, khiến giảm lượng cung vốn ở khu vực tư nhân, tạo nguy cơ tăng lãi suất nội tệ. Nếu lãi suất nội tệ tăng sẽ thu hút dòng vốn quốc tế chảy vào, dẫn tới áp lực tăng giá nội tệ. Nhưng khi đồng nội tệ lên giá lại gây trở ngại cho hoạt động xuất khẩu trong nước.

Cũng cần thấy rằng, cán cân thương mại của Việt Nam những năm gần đây chủ yếu do lường các hoạt động xuất, nhập khẩu của các doanh nghiệp FDI với trọng số chiếm xấp xỉ 75%. Vì vậy, các hoạt động chi tiêu công của Chính phủ tác động không rõ ràng tới tình trạng của cán cân thương mại trong nước do các doanh nghiệp FDI hoạt động có tính chất độc lập tương đối. Đây chính là lý do giải thích tại sao thâm hụt ngân sách mang tính chất thường trực tại Việt Nam,

nhưng cán cân vãng lai vẫn có sự cải thiện theo chiều hướng tích cực.

- *Về năng suất lao động xã hội.*

Báo cáo của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cho thấy, mặc dù tăng trưởng năng suất lao động đã phục hồi và tăng nhanh trong những năm gần đây, nhưng năng suất lao động của Việt Nam vẫn còn ở mức thấp so với nhiều nước ASEAN do quy mô nền kinh tế nhỏ, xuất phát điểm thấp, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực nhưng còn chậm. Do đó, để tăng trưởng GDP theo hướng tăng năng suất lao động tuy là thách thức lớn, nhưng là cần thiết để tạo ra tăng trưởng cao, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đặc biệt, trong bối cảnh tự do hóa thương mại và Cách mạng công nghiệp 4.0 ngày càng phát triển, vừa là cơ hội để các nước phát triển kinh tế, nhưng cũng có thể đưa đến nguy cơ làm cho một quốc gia dễ "bị bỏ lại xa hơn" các quốc gia trên thế giới nếu không có định hướng phát triển đúng và giải pháp hiệu quả. Do đó, để thúc đẩy tăng trưởng, cần phải quan tâm đến việc cải thiện năng suất lao động³.

- *Về quản lý và sử dụng tài nguyên:* công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên tại Việt Nam còn nhiều yếu kém, sử dụng chưa hiệu quả, nhất là tài nguyên đất đai, tài nguyên nước, một số loại tài nguyên bị lạm dụng, khai thác quá mức dẫn đến suy thoái, cạn kiệt. Ô nhiễm môi trường vẫn tiếp tục gia tăng, nhất là tại các khu đô thị, thành phố lớn, ảnh hưởng lớn tới đời sống, sinh hoạt của người dân, trở thành vấn đề bức xúc của xã hội. Bên cạnh đó, vẫn còn tình trạng thu hút đầu tư thiếu chọn lọc, không cân nhắc, xem xét các yếu tố, tiêu chí về môi trường. Việc triển khai nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ gắn với yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường còn chậm. Công tác thanh tra, kiểm tra thực thi pháp luật về tài

nguyên, bảo vệ môi trường chưa đáp ứng yêu cầu⁴.

Bên cạnh khai khoáng, công tác quản lý, sử dụng đất đai cũng còn nhiều yếu kém, gây thiệt hại không nhỏ cho nền kinh tế. Chính sách nhà đầu tư chiến lược tạo bất bình đẳng trong tiếp cận đất đai, tài nguyên, làm cho việc xác định giá quyền sử dụng đất không được tính đúng, tính đủ. Sự ưu tiên cho nhà đầu tư chiến lược, làm cho quyền sử dụng đất không được định giá theo thị trường, gây thất thu cho ngân sách nhà nước. Mặt khác, các tập đoàn kinh tế lớn không chỉ hưởng lợi chủ yếu do cơ chế phân bổ nguồn lực bất bình đẳng mà còn chỉ tập trung vào khai thác, kinh doanh bất động sản, không phát triển bằng sản xuất - kinh doanh. Về nguyên lý, phát triển ngân sách bền vững là ngân sách dựa vào doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh chứ không phải khai thác tài nguyên để bán.

- *Về quản lý đầu tư:* vấn đề của Việt Nam hiện nay là cái thiện chất lượng và hiệu quả đầu tư nói chung, trong đó có đầu tư của ngân sách nhà nước. Điều đáng lưu ý là tình trạng thất thoát lãng phí trong đầu tư công vẫn phức tạp. Một số quá trình phân bổ vốn đầu tư chưa thực hiện đúng các quy định như: phân bổ vốn cho dự án không đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí và phân bổ vốn còn dàn trải, thời gian phân bổ kéo dài so với quy định. Tình trạng nợ đọng trong xây dựng cơ bản còn chưa được xử lý triệt để. Nhiều dự án dở dang hoặc thời gian thi công kéo dài, chậm tiến độ, tăng tổng mức đầu tư gây lãng phí và thất thoát nguồn lực. Trong khi hệ thống thông tin theo dõi, giám sát các dự án đầu tư công tồn tại nhiều hạn chế. Một số bộ, ngành, địa phương chưa thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, quản trị doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam vẫn còn khoảng cách khá xa so với thông lệ quốc tế. Điều đó cũng tạo ra những

bất cập trong điều hành quản lý và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

- *Chính sách thị trường:* Nhà nước đã có những quy định về mở rộng, phát triển thị trường, nhưng thị trường đầu ra cho các sản phẩm sản xuất trong nước vẫn không ổn định. Tình trạng được mùa mất giá, thậm chí không bán được khá phổ biến và diễn ra nhiều năm liên tục. Thực tế, chính sách thị trường còn yếu kém, lệ thuộc nhiều vào một số thị trường, gây ảnh hưởng đến sản xuất - kinh doanh trong nước, như vấn đề nông sản và sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc. Thiếu các nhà máy chế biến để nâng cao giá trị nông sản. Sản phẩm sản xuất ra có tính cạnh tranh thấp, khó tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

2. Một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế nhanh và bền vững

Một là, cần chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, làm rõ những vấn đề lý thuyết kinh tế để cắt nghĩa rõ ràng và chỉ dẫn cụ thể cho quá trình quản lý kinh tế. Áp dụng các hình thức đo lường GDP thông qua tính toán đầy đủ lợi ích, chi phí, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Xây dựng và thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo để bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

Đẩy mạnh áp dụng rộng rãi sản xuất sạch hơn để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên quốc gia. Quá trình phát triển kinh tế phải kết hợp giữa quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

Phát triển bền vững các vùng và địa phương cần tập trung ưu tiên phát triển trước các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời chú ý tới vùng kém phát triển và có điều kiện khó khăn hơn nhằm tạo ra sự phát triển cân đối.

Hai là, nâng cao chất lượng tăng trưởng, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là các chính sách tài chính, tiền tệ. Đồng thời, tiếp tục duy trì các chính sách tăng cường thu hút FDI để ngăn chặn tác động tiêu cực từ hiệu ứng “thâm hụt kép” gây ra cho nền kinh tế do cân đối ngân sách chưa có chiều hướng cải thiện tích cực.

Ba là, thiết lập môi trường đầu tư kinh doanh cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, chọn lọc các nhân tố tốt cho nền kinh tế với những nhà đầu tư, kinh doanh hiệu quả, sa thải những tổ chức kinh doanh yếu kém. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung *Luật Đầu tư công* năm 2014 để tăng cường cơ chế, chính sách quản lý đầu tư công trong cơ chế thị trường, làm rõ mục tiêu và các nguyên tắc quản lý đầu tư công, phân cấp quản lý trong đầu tư công, chính sách công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý đầu tư công, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội trong đầu tư công... Chính sách đầu tư công cũng cần phải khắc phục những vướng mắc trong quá trình triển khai *Luật Đầu tư công*, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tháo gỡ những khó khăn cho các bộ, ngành và địa phương...

Tổ chức thực thi chính sách phải bảo đảm công bằng trong tiếp cận các nguồn lực và phát triển, tạo động lực sản xuất - kinh doanh. Tăng cường sự tham gia giám sát của người dân vào quản lý tài nguyên, môi trường và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong một nền kinh tế mà thị trường còn non trẻ, với nhiều quan hệ kinh tế mới phát sinh bên cạnh những chính sách lạc hậu, bất cập, cần rà soát xóa bỏ những rào cản gia nhập thị trường, bổ sung các chính sách hỗ trợ những ngành công nghiệp non trẻ. Tháo gỡ vướng mắc, khuyến khích đầu tư, nhất là đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội và phát triển sản xuất - kinh doanh, giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, chất lượng các sản phẩm. Thông qua chính sách thuế và các

dồn bẫy kinh tế, khuyến khích xuất khẩu, giảm nhập siêu, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa thiết yếu phục vụ sản xuất và nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, tiếp tục các chính sách tạo việc làm, giảm nghèo.

Để có nguồn thu ngân sách nhà nước bền vững và một nền kinh tế có vốn đầu tư mạnh, không lệ thuộc, cần tập trung vào phát triển khu vực tư nhân, đặc biệt cần ưu tiên, tạo điều kiện tốt cho các doanh nghiệp tư nhân bản địa. Chính sách nên chuyển từ ưu tiên các doanh nghiệp là công ty đa quốc gia sang các doanh nghiệp nhỏ và vừa bản địa. Cho phép khu vực tư nhân chiếm tỷ trọng lớn hơn trong sản lượng quốc gia và các doanh nghiệp này cần trở thành lực lượng đóng vai trò lớn trong quá trình sản xuất. Bên cạnh đó, phát triển và hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa nội địa mở rộng thị trường quốc tế.

Bốn là, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực hoạt động của bộ máy nhà nước, tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; tăng cường hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế; nâng cao chất lượng thông tin. Các giải pháp tổng thể trên đây giải quyết những vấn đề lâu dài của cả nền kinh tế. Tuy nhiên, trước những bất cập của thực trạng phát triển của nền kinh tế hiện nay, các giải pháp chủ yếu cần tập trung vào giải quyết những vấn đề cơ bản của nền kinh tế.

Năm là, nghiên cứu, đánh giá và có chính sách cụ thể cho phát triển nguồn nhân lực xã hội. Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực nghề nghiệp, văn hóa tổ chức, tác phong và kỷ luật lao động cho người lao động. Đồng thời, phải chú trọng đến phát triển thể chất và tinh thần cho người dân trong xã hội, xây dựng lại chính sách lương, thưởng và chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần, tạo động lực cho con người, tác động tích cực cho sự phát triển kinh tế, xã hội ổn định, lâu dài.

Sáu là, đầu tư cho phát triển khoa học - công nghệ trong nghiên cứu, hợp tác nghiên cứu các lĩnh vực ngành nghề trong nội hàm của "nền kinh tế xanh", như: sử dụng năng lượng tái tạo, công nghệ sản xuất tiết kiệm tài nguyên, tiêu hao ít năng lượng; định hướng lại đầu tư, hướng tới mức đầu tư khoảng 2% tổng chi ngân sách hàng năm cho khôi phục hệ sinh thái và bảo vệ môi trường. Dành nguồn lực để đầu tư phát triển mạnh doanh nghiệp khoa học - công nghệ, đổi mới cơ chế quản lý khoa học và tranh thủ khai thác, ứng dụng công nghệ từ các quốc gia phát triển...

Tăng cường hợp tác quốc tế trong hoạch định chính sách và tạo dựng "nền kinh tế xanh" ở Việt Nam, huy động các nguồn lực hỗ trợ của quốc tế, nhất là nguồn vốn đầu tư 2% GDP toàn cầu cho phát triển "kinh tế xanh". Chú ý thiết lập các cơ chế tài chính cho phát triển rừng, biển... Tạo căn cứ pháp lý và điều kiện thuận lợi để Việt Nam cam kết và tham gia tích cực vào các hoạt động của các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, xây dựng nền sản xuất cacbon thấp, kiểm soát khí thải, bảo vệ tầng ô-zôn, đa dạng sinh học trên phạm vi khu vực và toàn cầu□

Chú thích:

1. *80 Khu Công nghiệp Việt Nam vi phạm môi trường.* <https://tuoitre.vn>, ngày 20/11/2016.
2. *Kiểm soát chặt chẽ nợ công.* <http://dang-congsan.vn>, ngày 30/9/2019.
3. *Năng suất lao động Việt Nam thua Singapore, Malaysia, Thailand.* <https://vietnamnet.vn>, ngày 06/8/2019.
4. *Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.* <http://nhandan.com.vn>, ngày 29/8/2019.